

Bản án số: 08/2025/HS-ST
Ngày: 27-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Bửu Khánh

2. Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa:
Ông Phan Vũ Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 27 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 77/2024/TLST - HS ngày 12 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐXXST - HS ngày 24 tháng 01 năm 2025, đối với bị cáo:

Trần Văn Út N, sinh ngày: 09/4/1990 tại huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang; HKTT: ấp T, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang; Số căn cước công dân: 091090018120; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị K; Anh chị em ruột có 10 người, nhỏ nhất là bị cáo; Có vợ tên Trần Ngọc L và 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 31/8/2024 đến ngày 11/12/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng cho gia đình bảo lãnh, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và cấm xuất cảnh từ ngày 25/12/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm: 1958; địa chỉ: ấp N, xã L, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1954; địa chỉ: ấp N, xã L, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng).

- Ông Trần T, sinh năm: 1969; địa chỉ: ấp B, xã L, huyện Giồng Riềng, tỉnh

Kiên Giang (có đơn xin vắng).

- Bà Hứa Hồng Y, sinh năm: 1970; địa chỉ: ấp B, xã L, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10 năm 2023, bà Nguyễn Thị Mỹ D nhiều lần đến gặp Trần Văn Út N đặt vấn đề nhờ Út N chạy án để Nguyễn Hoàng N1 (con ruột bà D) không bị tạm giam và không bị phạt tù về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”. Qua nhiều lần bà D đặt vấn đề chạy án, Trần Văn Út N mặc dù biết bản thân không có khả năng, điều kiện giúp được bà D chạy án cho N1 nhưng vẫn cố tình đưa ra thông tin gian dối có quen biết một người lo được việc chạy án cho N1 để tạo lòng tin cho bà D, nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của bà D để tiêu xài cá nhân. Tại thời điểm Út N nhận lời giúp, bà D đã trực tiếp đưa cho Út N số tiền 5.000.000 đồng để Út N đi ăn uống nhờ người chạy án. Sau vài ngày, bà D tiếp tục đưa tiền cho Út N thêm 04 lần, mỗi lần là 5.000.000 đồng và một lần là 3.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bà D đưa cho Út N là 28.000.000 đồng để đổ xăng, ăn uống lo cho việc chạy án nhưng thực chất số tiền trên Út N dùng để tiêu xài cho mục đích cá nhân.

Đến vài ngày sau, Út N chủ động yêu cầu bà D đến nhà để thỏa thuận với bà D tiếp tục đưa thêm số tiền 100.000.000 đồng để Út N nhờ người lo việc chạy án, được bà D đồng ý. Sau đó, bà D đã 04 lần giao tiền cho Út N với tổng số tiền 100.000.000 đồng, trong đó: lần giao thứ tư, vào ngày 02/01/2024 bà D đưa cho Út N số tiền 55.000.000 đồng và có yêu cầu Út N ký biên nhận số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền 100.000.000 đồng Út N tiếp tục dùng số tiền trên phục vụ cho nhu cầu tiêu xài cá nhân. Sau một thời gian, Nguyễn Hoàng N1 bị Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tuyên 24 tháng tù giam và phải chấp hành án tại tỉnh Trà Vinh, bà D biết Út N không giúp được nên bà D nhiều lần đến gặp Út N để yêu cầu trả lại số tiền 128.000.000 đồng nhưng Út N không đồng ý và tiếp tục hẹn là lo được cho N. Đến ngày 22/8/2024 bà D đến Công an xã L để trình báo sự việc.

Trong quá trình điều tra Trần Văn Út N đã khai nhận: Sau khi nhận lời giúp bà D lo việc chạy án, bà D đã trực tiếp đưa cho Út N 5.000.000 đồng để đi nhậu, ăn uống nhờ người giúp chạy án. Cứ sau vài ngày, bà D nhiều lần tiếp tục đưa tiền cho Út N để lo cho việc chạy án, tổng số tiền các lần bà D đã đưa cho Út N là 28.000.000 đồng.

Khoảng 01 tháng sau, Út N chủ động yêu cầu bà D đến nhà thỏa thuận số tiền chạy án là 100.000.000 đồng để nhờ người chạy án cho Nguyễn Hoài N1 được bà D đồng ý. Sau đó, bà D đã đưa số tiền trên trong 04 (bốn lần) như sau:

Lần thứ nhất, bà D đến nhà Út N nhưng Út N không có ở nhà nên nhờ ông Trần Thanh (cha vợ Út N) giao cho Út N 20.000.000 đồng.

Lần thứ hai, cách lần thứ nhất vài ngày bà D đến nhà Út N trực tiếp giao cho Út N 20.000.000 đồng.

Lần thứ ba, cách lần thứ hai vài ngày bà D đến nhà Út N giao trực tiếp cho Út N 5.000.000 đồng

Lần thứ tư, vào ngày 02/01/2024 bà D đến nhà Út N giao trực tiếp cho Út N số tiền 55.000.000 đồng và yêu cầu Út N ký biên nhận, đã nhận tổng số tiền 100.000.000 đồng.

Sau các lần nhận tiền từ bà D được xác định số tiền bị cáo N đã chiếm đoạt là 128.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 79/CT-VKS ngày 11/12/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng đã truy tố bị cáo Trần Văn Út N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Văn Út N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo N từ 30 tháng đến 36 tháng tù

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường 128.000.000 đồng cho bị hại, bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm nên không xem xét.

Đối với bà Nguyễn Thị Mỹ D có hành vi đưa tiền cho Trần Văn Út N để chạy án cho Nguyễn Hoàng N1. Tuy nhiên, do bà D bị Trần Văn Út N đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt số tiền nêu trên, nên hành vi của bà D không cấu thành tội phạm

Đối với ông Trần T nhận thay cho Út N số tiền 20.000.000 đồng từ bà D gửi cho Trần Văn Út N, ông T không biết việc bà D giao tiền cho Út N để chạy án, nên hành vi của ông T không cấu thành tội phạm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Riềng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo:

Tại phiên Tòa bị cáo khai nhận: Lợi dụng việc bà Nguyễn Thị Mỹ D có con bị phạm tội bị bắt giam đến nhờ bị cáo chạy án. Mặc dù, bị cáo biết rõ bản thân không có khả năng, điều kiện để giúp cho bà D chạy án để N1 không bị phạt tù nhưng bị cáo vẫn đưa ra thông tin gian dối là có quen biết một người lo được việc chạy án để nhằm chiếm đoạt tiền của bà D. Từ giữa năm 2023 đến đầu năm 2024, bị cáo đã nhiều lần nhận tiền của bà D tại nhà của bị cáo thuộc ấp Đ, xã L, huyện Giồng Riềng với tổng số tiền là 128.000.000 đồng.

Lời khai nhận trên của bị cáo cho thấy phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Riềng đã thu thập được. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng truy tố bị cáo Trần Văn Út N phạm tội: “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo N là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ mục đích rõ ràng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo biết rất rõ việc làm của bị cáo là vi phạm pháp luật, lợi dụng sự thiếu hiểu biết của bị hại, bị cáo đưa ra thông tin gian dối có quen biết với một người có thể giúp nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân mà còn làm ảnh hưởng đến uy tín đối với những người thực thi pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhiều lần đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên Tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo cũng đã khắc phục hậu quả bằng việc trả lại cho bà D số tiền đã chiếm đoạt là 128.000.000 đồng. Người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4.3] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt

Từ những phân tích trên, Xét lời đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần xử lý nghiêm để đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội nhưng cũng thể hiện sự khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ.....*”. Xét thấy bị cáo N không có chức

vụ, đã áp dụng hình phạt tù cho bị cáo và số tiền chiếm đoạt cũng đã giao trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 02 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo Trần Văn Út N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự; khoản 02 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn Út N phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

Xử phạt bị cáo Trần Văn Út N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án nhưng khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/8/2024 đến ngày 11/12/2024.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Văn Út N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng)

Báo cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày; bị cáo được tính kể từ ngày tuyên án (27/02/2025); bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện GR;
- NTG CA huyện GR;
- CQ CSĐT CA huyện GR;
- Chi cục THADS huyện GR;
- Bị cáo;
- NLQ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Hương